2026-10-22 CSCA30_De_14_Cau_001

Mã bài CSCA30_De_14_Cau_001
Đề 14 · Câu 001 · Ngày 2026-10-22
Chương 01 - Tập hợp · Dễ

Kết quả / 答案 C

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：元素用 $\in$。
→ 原理："$\in$"用于元素与集合之间，"$\subseteq$"用于集合与集合之间；空集是任何集合的子集。
第2步：$9 \in A$。
→ 原理：同上，"$\in$"用于元素与集合之间，"$\subseteq$"用于集合与集合之间；空集是任何集合的子集。
第3步：A、B、D 错误。
→ 原理：同上，"$\in$"用于元素与集合之间，"$\subseteq$"用于集合与集合之间；空集是任何集合的子集。
说明：集合 A 的元素是所列出的数，其中包含 9，所以 $9 \in A$。单元素集合不等于其元素，$\subseteq$ 表示集合之间的包含关系。
结论：选 C。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – Phần tử – tập dùng $\in$; tập – tập dùng $\subseteq$.
→ Lý thuyết: Ký hiệu $\in$ dùng giữa một phần tử và một tập hợp; $\subseteq$ dùng giữa hai tập hợp ($A \subseteq B$ khi mọi phần tử của A đều thuộc B). Tập rỗng là tập con của mọi tập.
Bước 2 – 9 có trong danh sách nên $9 \in A$ (C đúng).
→ Lý thuyết: nhắc lại – Ký hiệu $\in$ dùng giữa một phần tử và một tập hợp; $\subseteq$ dùng giữa hai tập hợp ($A \subseteq B$ khi mọi phần tử của A đều thuộc B).
Bước 3 – A: tập rỗng không là phần tử; B: số không dùng $\subseteq$; D: $\{9\}$ là tập con, không là phần tử.
→ Lý thuyết: nhắc lại – Ký hiệu $\in$ dùng giữa một phần tử và một tập hợp; $\subseteq$ dùng giữa hai tập hợp ($A \subseteq B$ khi mọi phần tử của A đều thuộc B).
Kết luận: chọn C.

Mở đề bài / 查看题目